TAND THÀNH PHỐ LAI CHÂU **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 29/2018/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Lai Châu, ngày 06 tháng 3 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 41/2018/TLST/HNGĐ, ngày 10 tháng 01 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Anh Sùng A T, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Bản P, thị trấn N, huyện N, tỉnh Lai Châu.

Bị đơn: Chị Vàng Thị D, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Bản M, phường Q, thành phố L, tỉnh Lai Châu.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 54, 55, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 02 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 02 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Sùng A T và chị Vàng Thị D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Anh Sùng A T và chị Vàng Thị D đều thuận tình ly hôn.

- Về nuôi con chung: Anh Sùng A T và chị Vàng Thị D có một con chung là Sùng Mạnh T, sinh ngày 02/4/2014, anh T và chị D thỏa thuận như sau:

Anh Sùng A T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Sùng Mạnh T, sinh ngày 02/4/2014 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Sùng A T không yêu cầu chị Vàng Thị D cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Vàng Thị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở chị D thực hiện quyền này.

- Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung anh Sùng A T và chị Vàng Thị D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Sùng A T và chị Vàng Thị D mỗi người phải chịu 75.000 đồng *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Anh T tự nguyện nộp thay chị D số tiền 75.000 đồng *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)*. Tổng cộng anh Sùng A T phải nộp là 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng. Xác nhận anh Sùng A T đã nộp đủ số tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho anh Sùng A T số tiền 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2010/0003304 ngày 10/01/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND thị trấn N, huyện N, tỉnh Lai Châu;
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND TP L;
- Chi cục THA dân sự TP Lai Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phan Thị Phương